THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2089/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 125-TB/VPTW, ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Văn Phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về Phát triển Công nghiệp hàng hải Quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Thông báo số 125-TB/VPTW của Văn Phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về Phát triển Công nghiệp hàng hải Quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 125-TB/VPTW ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về Phát triển Công nghiệp hàng hải Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- TTgCP, Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2)*15*

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Gia Túc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Thông báo số 125-TB/VPTW ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Văn Phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về Phát triển Công nghiệp hàng hải Quốc gia

(Kèm theo Quyết định số 2089/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Thông báo số 125-TB/VPTW ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Văn Phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về Phát triển Công nghiệp hàng hải Quốc gia (sau đây viết tắt là Thông báo kết luận); tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận thành các nhiệm vụ, giải pháp, đề án, cơ chế, chính sách và lộ trình thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện.

c) Khẩn trương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, khơi thông nguồn lực, phát huy hiệu quả năng lực hiện có của ngành công nghiệp hàng hải; tập trung xử lý các điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách, thị trường, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực, tài chính và tổ chức thực hiện, tạo nền tảng để phát triển công nghiệp hàng hải theo hướng hiện đại, đồng bộ, tự chủ và có năng lực cạnh tranh.

d) Làm cơ sở để xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; đồng thời triển khai các đề án, cơ chế, chính sách và nhiệm vụ có liên quan, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững kinh tế biển, nâng cao năng lực tự chủ quốc gia, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm quán triệt đầy đủ tinh thần, nội dung Thông báo kết luận; việc tổ chức thực hiện phải đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ, ngành, địa phương và bảo đảm hiệu quả, khả thi.

b) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026; xác định phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển là một cấu phần quan trọng trong tổng thể phát triển quốc gia biển mạnh, gắn kết với phát triển đội tàu biển, phương tiện thủy nội địa, hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, logistics, công nghiệp hỗ trợ, khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực, năng lượng biển, công nghiệp quốc phòng, an ninh và các ngành kinh tế biển có liên quan; không trùng lặp nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết số 218/NQ-CP và các chương trình, kế hoạch khác.

c) Các nhiệm vụ được giao phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nội dung công việc, tiến độ thực hiện, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm thực hiện theo nguyên tắc "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

d) Gắn việc thực hiện Kế hoạch với quá trình hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội; tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy vai trò của doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các đối tác quốc tế trong phát triển công nghiệp hàng hải.

đ) Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và cụ thể hóa Thông báo kết luận

Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ nội dung Thông báo kết luận đến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong quá trình triển khai thực hiện.

Rà soát các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phát triển công nghiệp hàng hải, công nghiệp cơ khí biển, vận tải biển, vận tải đường thủy nội địa, hệ thống cảng biển,

cảng thủy nội địa, logistics và các lĩnh vực có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quan điểm, mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ được xác định tại Thông báo kết luận.

Khẩn trương cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao trong Thông báo kết luận thành các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách và nhiệm vụ cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ, ngành, địa phương; xác định rõ lộ trình thực hiện, sản phẩm đầu ra, nguồn lực và trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Xây dựng Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm bám sát các quan điểm, mục tiêu và định hướng kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Thông báo số 125-TB/VPTW; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện, nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương.

Việc xây dựng Chương trình phải được thực hiện trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng phát triển công nghiệp hàng hải quốc gia; đánh giá đầy đủ năng lực của các lĩnh vực thiết kế, đóng mới, sửa chữa, hoán cải, công nghiệp hỗ trợ, cơ khí biển, đăng kiểm, tiêu chuẩn, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực, tài chính, thị trường và các yếu tố có liên quan; xác định rõ các lợi thế, hạn chế, điểm nghẽn và tiềm năng phát triển để đề xuất các giải pháp phù hợp.

Chương trình phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với chiến lược phát triển kinh tế biển, chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, phát triển đội tàu biển, phương tiện thủy nội địa, hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, logistics, năng lượng biển, công nghiệp quốc phòng và các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch có liên quan; đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

Quá trình xây dựng Chương trình phải huy động sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, chuyên gia và các đối tác trong nước, quốc tế; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hàng hải quốc gia trong tình hình mới.

3. Rà soát, đánh giá, phân loại năng lực công nghiệp hàng hải quốc gia

Tổ chức rà soát, đánh giá, phân loại toàn diện thực trạng và năng lực của công nghiệp hàng hải quốc gia, trong đó tập trung đánh giá năng lực thiết kế, đóng mới, sửa chữa, hoán cải phương tiện thủy; công nghiệp cơ khí biển, công nghiệp hỗ trợ; hệ thống cơ sở sản xuất, hạ tầng kỹ thuật; năng lực nghiên cứu, phát triển, đăng kiểm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ; thị trường, tài chính và các yếu tố bảo đảm phát triển ngành.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thống nhất, thực hiện điều tra, cập nhật và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp hàng hải, bảo đảm phản ánh đầy đủ năng lực của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hạ tầng, công nghệ, thiết bị, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển.

Trên cơ sở kết quả rà soát, xác định rõ năng lực cần được bảo toàn, đầu tư nâng cấp, liên kết phát triển, chuyển đổi hoặc sắp xếp lại; nhận diện các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tài sản, công nghệ, dữ liệu và nguồn nhân lực có ý nghĩa chiến lược để có giải pháp quản lý, khai thác và phát triển phù hợp; đồng thời đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

Căn cứ quy định của Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 và kết quả rà soát, đánh giá, phân loại toàn diện thực trạng và năng lực của công nghiệp hàng hải quốc gia, nghiên cứu phương án xử lý SBIC theo hướng phục hồi và phát triển, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, chủ nợ, người lao động và các bên liên quan; bảo toàn, khai thác có chọn lọc những tài sản, hạ tầng, công nghệ và nguồn nhân lực còn giá trị, không để thất thoát tài sản nhà nước hoặc làm mất năng lực công nghiệp khó tái tạo, báo cáo Chính phủ kiến nghị Bộ Chính trị xem xét, quyết định phương án xử lý SBIC.

Kết quả rà soát, đánh giá là căn cứ để xây dựng Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thiện cơ chế, chính sách; bố trí nguồn lực đầu tư; tổ chức lại thị trường; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện và phục vụ công tác quản lý nhà nước về công nghiệp hàng hải.

4. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hàng hải quốc gia

Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo lập môi trường pháp lý đồng bộ, minh bạch, ổn định, thuận lợi cho phát triển công nghiệp hàng hải quốc gia; bảo đảm thống nhất với các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, thuế, tín dụng, khoa học và công nghệ,

chuyển giao công nghệ, đấu thầu, đất đai, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về hàng hải và đường thủy nội địa theo hướng đồng bộ, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý cho phát triển công nghiệp hàng hải gắn với phát triển đội tàu biển, phương tiện thủy nội địa, hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, logistics và các ngành công nghiệp liên quan; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hàng hải theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu thị trường, lợi thế cạnh tranh quốc gia và yêu cầu phát triển bền vững; ưu tiên phát triển các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng làm chủ hoặc tiếp nhận công nghệ tiên tiến, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; không đầu tư dàn trải, trùng lặp, kém hiệu quả.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp hàng hải; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

5. Hoàn thiện cơ chế tài chính, tín dụng, bảo lãnh, bảo hiểm và huy động nguồn lực phát triển công nghiệp hàng hải quốc gia

Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tài chính, tín dụng, bảo lãnh và bảo hiểm phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp đóng tàu, nhất là đối với các hợp đồng đóng mới, sửa chữa, hoán cải phương tiện có quy mô lớn, thời gian thực hiện dài, yêu cầu vốn đầu tư lớn và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hàng hải theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục tiêu, phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; gắn việc hỗ trợ với năng lực của doanh nghiệp, hiệu quả dự án, khả năng hoàn trả vốn, kết quả sản xuất, kinh doanh và mức độ đóng góp vào nâng cao năng lực công nghiệp quốc gia.

Hoàn thiện cơ chế huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn của doanh nghiệp, nguồn vốn tín dụng, thị trường vốn, hợp tác công tư và các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư phát triển công

nghiệp hàng hải; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các lĩnh vực then chốt, các dự án có tính lan tỏa, có khả năng làm chủ công nghệ, nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước và phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế quản lý, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa thất thoát, lãng phí, tiêu cực; không sử dụng chính sách hỗ trợ để bù đắp thua lỗ, hợp thức hóa các sai phạm hoặc tạo ra rủi ro đối với hệ thống tài chính, tín dụng.

Khuyến khích các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm phát triển các sản phẩm tín dụng, bảo lãnh và bảo hiểm phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp đóng tàu và các lĩnh vực có liên quan, trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và bảo đảm an toàn hoạt động.

6. Tổ chức lại thị trường, phát huy hiệu quả năng lực hiện có và phát triển thị trường công nghiệp hàng hải, cơ khí biển

Rà soát, đánh giá nhu cầu phát triển đội tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu công vụ, phương tiện phục vụ quốc phòng, an ninh, dịch vụ kỹ thuật ngoài khơi, các dịch vụ cơ khí phát triển năng lượng trên biển và các lĩnh vực có liên quan; trên cơ sở đó tổ chức lại thị trường theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nhu cầu trong nước với năng lực của ngành công nghiệp hàng hải, cơ khí biển, bảo đảm phát triển theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh, hiệu quả và bền vững.

Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp trong nước sản xuất, cung cấp đối với các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, giá thành, tiến độ và chi phí vòng đời theo quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường mở rộng thị trường, nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.

Chú trọng phát triển thị trường sửa chữa, hoán cải, nâng cấp, bảo trì phương tiện, dịch vụ kỹ thuật và các dịch vụ theo vòng đời sản phẩm nhằm khai thác hiệu quả năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; tạo việc làm ổn định, duy trì và phát triển đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật, chuyên gia có trình độ cao; từng bước nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và chất lượng dịch vụ.

Khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; phát triển thị trường trên cơ sở hiệu quả kinh tế, năng lực cạnh tranh và nhu cầu của thị trường.

Tăng cường công tác dự báo thị trường, xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu về cung, cầu và năng lực sản xuất của ngành công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

7. Phát triển hệ sinh thái công nghiệp hàng hải, cơ khí biển hiện đại, xanh, số và nâng cao năng lực tự chủ

Công nghiệp hàng hải quốc gia là bộ phận công nghiệp cốt lõi của hệ sinh thái hàng hải, bao gồm các năng lực sản xuất, chế tạo, sửa chữa, cung ứng và phát triển công nghệ phục vụ tàu biển, phương tiện thủy nội địa, cảng biển, vận tải biển và đường thủy nội địa, logistics và các hoạt động hàng hải; lấy công nghiệp đóng tàu, cơ khí biển, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp thiết bị, công trình biển làm các cấu phần chủ yếu.

Phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển theo hướng chuyển từ duy trì năng lực sản xuất sang xây dựng hệ sinh thái công nghiệp hiện đại, đồng bộ, có khả năng tự chủ và năng lực cạnh tranh quốc tế, xác định rõ mối liên kết giữa các cấu phần của hệ sinh thái, bao gồm: (i) thị trường và không gian hoạt động hàng hải, đường thủy nội địa như đội tàu biển, phương tiện thủy nội địa, hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, vận tải biển, vận tải đường thủy nội địa và các dịch vụ hàng hải, đường thủy, logistics và chuỗi cung ứng; (ii) các cấu phần công nghiệp cốt lõi gồm công nghiệp đóng tàu, sửa chữa, hoán cải tàu; cơ khí biển và thiết bị hàng hải; công nghiệp hỗ trợ; thiết bị, máy móc, kết cấu phục vụ công trình biển và hoạt động ngoài khơi; và (iii) các nền tảng hỗ trợ gồm thể chế, bảo đảm yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường, quốc phòng và an ninh; nghiên cứu, thiết kế, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đăng kiểm, nguồn nhân lực, hạ tầng, tài chính và các dịch vụ kỹ thuật có liên quan. Trong đó, công nghiệp đóng tàu, sửa chữa, hoán cải tàu là cấu phần sản xuất chủ lực; cơ khí biển, thiết bị hàng hải, công nghiệp hỗ trợ, thiết bị, máy móc và kết cấu phục vụ công trình biển là các cấu phần công nghiệp cốt lõi và cung ứng đầu vào của chuỗi giá trị; nghiên cứu, thiết kế, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đăng kiểm, nguồn nhân lực, hạ tầng, tài chính và dịch vụ kỹ thuật là các nền tảng hỗ trợ; thị trường, đội tàu, cảng biển, cảng thủy nội địa, vận tải biển, vận tải đường thủy nội địa, các dịch vụ hàng hải, đường thủy, logistics và chuỗi cung ứng tạo không gian ứng dụng, thị trường và đầu ra của hệ sinh thái.

Chủ động nghiên cứu, dự báo các xu hướng mới của hàng hải quốc tế nhằm tận dụng tốt các cơ hội, góp phần xây dựng Việt Nam thành một quốc gia biển mạnh. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực nền tảng của công nghiệp hàng hải, cơ khí biển, nhất là thiết kế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp hỗ trợ, đăng kiểm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, dữ liệu và nguồn nhân lực chất lượng cao; từng bước làm chủ các công nghệ cốt lõi (công nghệ thiết kế, mô phỏng; công nghệ chế tạo, gia công, tự động hóa và robot trong đóng mới,

sửa chữa, hoán cải phương tiện; công nghệ động lực, điện, điện tử, điều khiển và thiết bị hàng hải; công nghệ vật liệu mới, vật liệu có tính năng cao, công nghệ hàn và công nghệ chế tạo sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; công nghệ thiết kế, chế tạo kết cấu, thiết bị và công trình biển, công trình ngoài khơi...), nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và tỷ lệ giá trị gia tăng tạo ra trong nước.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, vật liệu mới, công nghệ xanh và các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, sản xuất, quản lý và khai thác sản phẩm công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; thúc đẩy đổi mới mô hình quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành. Khuyến khích ứng dụng các công nghệ này theo từng nhóm sản phẩm, công đoạn và chuỗi giá trị, ưu tiên các lĩnh vực có khả năng tạo giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn, hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp; có cơ chế thu hút, đào tạo, sử dụng, đãi ngộ và giữ chân đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển trong giai đoạn mới.

Khuyến khích phát triển các sản phẩm, công nghệ và dịch vụ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh, giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, an toàn và phát triển bền vững.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

Đổi mới chính sách thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp hàng hải, cơ khí biển theo hướng có chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có khả năng chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và mở rộng thị trường xuất khẩu; khuyến khích hình thành các liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với các đối tác quốc tế nhằm tiếp nhận công nghệ, kinh nghiệm quản lý và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nghiệp công nghiệp hàng hải, cơ khí biển có năng lực cạnh tranh, từng bước hình thành các doanh nghiệp nòng cốt có khả năng tổ chức chuỗi sản xuất, quản trị hợp đồng tổng thể, tích hợp sản phẩm, phát triển thương hiệu và tham gia các dự án có quy mô lớn trong nước và quốc tế; đồng thời hỗ trợ phát triển hệ thống doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và mạng lưới nhà cung ứng trong nước, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng tạo ra trong nước.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đăng kiểm, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển thị trường; chủ động tham gia các mạng lưới hợp tác khu vực và quốc tế, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do và các cơ chế hợp tác song phương, đa phương để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của công nghiệp hàng hải, cơ khí biển Việt Nam; đa dạng hóa các đối tác, công nghệ, nhà đầu tư, tránh phụ thuộc vào một hệ sinh thái duy nhất; bảo đảm tự chủ, an toàn, phát triển bền vững ngành công nghiệp hàng hải, cơ khí biển.

Khuyến khích doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu đối với sản phẩm hoàn chỉnh, sản phẩm trung gian, thiết bị, vật tư và dịch vụ kỹ thuật; tăng cường kết nối với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên thế giới; từng bước nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị công nghiệp hàng hải, cơ khí biển khu vực và toàn cầu.

9. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng

Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng trong lĩnh vực công nghiệp hàng hải, cơ khí biển theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh với phát triển công nghiệp dân dụng; phát huy vai trò nòng cốt của các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, đóng mới, sửa chữa, hoán cải phương tiện và sản xuất các sản phẩm cơ khí biển phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đồng thời tăng cường liên kết với doanh nghiệp dân sự để phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và khả năng huy động phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp quốc phòng, an ninh với doanh nghiệp dân sự, các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và đối tác quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật; phát huy hiệu quả nguồn lực hiện có, nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và khả năng tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

10. Hình thành các trung tâm, cụm liên kết công nghiệp hàng hải, cơ khí biển trọng điểm

Hình thành một số trung tâm và cụm liên kết công nghiệp hàng hải, cơ khí biển trọng điểm trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực và năng lực của doanh nghiệp; bảo đảm chuyên môn hóa, phân công hợp lý, liên kết chặt chẽ với hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, logistics, công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp có liên quan; tránh đầu tư dàn trải, phân tán nguồn lực và trùng lặp trong đầu tư; khuyến khích phát triển các trung tâm sửa chữa, hoán cải, tháo dỡ, tái chế phương tiện thủy theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng hiệu

quả tài nguyên, giảm phát thải, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế về lao động, an toàn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quy hoạch, đầu tư, quản lý và phát triển các trung tâm, cụm liên kết công nghiệp hàng hải và đường thủy; phát huy hiệu quả liên kết vùng, huy động các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội để phát triển đồng bộ hệ sinh thái công nghiệp hàng hải quốc gia.

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn lực thực hiện Kế hoạch được huy động từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn vốn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; nguồn vốn tín dụng; vốn đầu tư trong nước và nước ngoài; nguồn vốn hợp tác công tư; nguồn hỗ trợ phát triển; các nguồn tài chính xanh và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước được bố trí thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Nhà nước theo Kế hoạch, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách hằng năm và quy định của pháp luật; ưu tiên các nhiệm vụ có tính nền tảng, chiến lược, cấp thiết và có tác động lan tỏa đối với phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển.

3. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, chủ động xác định nhu cầu nguồn lực, xây dựng dự toán, bố trí và huy động nguồn lực theo thẩm quyền. Đối với các nhiệm vụ, dự án cần nguồn lực lớn hoặc vượt khả năng cân đối, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng phương án huy động nguồn lực, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách, nhất là nguồn lực của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, các tổ chức tài chính, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp và các chủ thể khác; Nhà nước tập trung nguồn lực cho những nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Nhà nước và những lĩnh vực có tính nền tảng, chiến lược, tạo tác động lan tỏa hoặc khó huy động đầy đủ nguồn lực từ khu vực ngoài nhà nước.

5. Việc phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, trùng lặp; gắn việc bố trí nguồn lực với mục tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Không sử dụng nguồn lực nhà nước để bù đắp thua lỗ hoặc duy trì các hoạt động sản xuất, kinh doanh không hiệu quả, trừ trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định vì yêu cầu quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích quốc gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Xây dựng

a) Là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp tình hình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền; chủ trì sơ kết giữa kỳ, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

b) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp, chuyên gia và các cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và các bộ ngành liên quan tổ chức rà soát, đánh giá, phân loại năng lực công nghiệp hàng hải quốc gia; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia; định kỳ cập nhật, tổng hợp và công bố thông tin theo quy định. Phối hợp với Bộ Công an đề xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phương án xử lý SBIC theo hướng phục hồi và phát triển, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, chủ nợ, người lao động và các bên liên quan; bảo toàn, khai thác có chọn lọc những tài sản, hạ tầng, công nghệ và nguồn nhân lực còn giá trị, không để thất thoát tài sản nhà nước hoặc làm mất năng lực công nghiệp khó tái tạo.

d) Chủ trì rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ giữa hàng hải và đường thủy nội địa.

đ) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển gắn với phát triển đội tàu biển, phương tiện thủy nội địa, hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, logistics, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp cơ khí biển và các ngành công nghiệp có liên quan. Phối hợp với các bộ ngành, địa phương tổ chức xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hàng hải.

e) Phối hợp với các Bộ: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo và các bộ ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực công nghiệp hàng hải và cơ khí biển; nghiên cứu các chính sách khuyến khích, đãi ngộ đối với đội ngũ nhân lực có trình độ cao theo quy định của pháp luật; đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển; tăng cường năng lực quản lý, tổ chức thực thi chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển ngành trong giai đoạn mới.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, cơ quan có liên quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính (bao gồm: nghiên cứu cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhà nước; cơ chế quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; cơ chế tài chính đối với hoạt động đầu tư, nghiên cứu, đổi mới công nghệ và các chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật) nhằm phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển quốc gia; đề xuất cơ chế bảo hiểm phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp hàng hải, cơ khí biển đối với các dự án đầu tư, đóng mới, sửa chữa, hoán cải phương tiện và sản xuất các sản phẩm công nghiệp hàng hải, cơ khí biển có quy mô lớn, chu kỳ đầu tư dài và yêu cầu vốn lớn.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chương trình cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để phát triển công nghiệp hàng hải; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực then chốt, các dự án có tính lan tỏa, có khả năng nâng cao năng lực công nghệ, giá trị gia tăng trong nước và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý các vấn đề tài chính trong quá trình xử lý SBIC theo hướng phục hồi và phát triển; không để thất thoát tài sản nhà nước; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, chủ nợ, người lao động và các bên có liên quan.

đ) Phối hợp với Bộ Xây dựng theo thẩm quyền giám sát, đánh giá việc thực hiện các cơ chế tài chính, huy động nguồn lực và sử dụng nguồn lực phục vụ phát triển công nghiệp hàng hải; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách không còn phù hợp.

3. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất vật liệu, thiết bị, linh kiện, máy móc và các sản phẩm công nghiệp phục vụ đóng mới, sửa chữa, hoán cải tàu biển, phương tiện thủy nội địa và cơ khí biển.

b) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển thị trường công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất với doanh nghiệp khai thác đội tàu, doanh nghiệp cảng biển, doanh nghiệp logistics và các ngành kinh tế có liên quan; phát triển thị trường trong nước gắn với nhu cầu phát triển vận tải biển, vận tải thủy nội địa, năng lượng biển và các lĩnh vực kinh tế biển.

c) Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường và mở rộng xuất khẩu đối với sản phẩm, thiết bị và dịch vụ công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nhà cung ứng trong nước, phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

đ) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

e) Phối hợp theo dõi, đánh giá tình hình phát triển thị trường, năng lực sản xuất, xuất khẩu và chuỗi cung ứng của ngành công nghiệp hàng hải; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; trong đó tập trung hoàn thiện các quy định về chuyển giao công nghệ và cơ chế đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc thù trong lĩnh vực công nghiệp hàng hải, cơ khí biển theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

b) Chủ trì triển khai các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; ưu tiên nghiên cứu, làm chủ các công nghệ cốt lõi trong thiết kế, đóng mới, sửa chữa, hoán cải tàu biển, phương tiện thủy nội địa, cơ khí biển, vật liệu mới, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, công nghệ xanh và các lĩnh vực có lợi thế.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng và định hướng phát triển tài sản trí tuệ gắn với mục tiêu phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ cốt lõi phục vụ phát triển công nghiệp hàng hải; thúc đẩy ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, sản xuất; thúc đẩy hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp hàng hải, cơ khí biển.

đ) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

5. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, sắp xếp các doanh nghiệp quốc phòng trong lĩnh vực hàng hải và kinh tế biển theo hướng lưỡng dụng, kết hợp phát triển hiệu quả công nghiệp hàng hải và kinh tế biển; phát huy vai trò của các doanh nghiệp quốc phòng trong nghiên cứu, thiết kế, đóng mới, sửa chữa, hoán cải và bảo đảm kỹ thuật đối với các phương tiện phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế.

b) Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng tăng cường liên kết với doanh nghiệp dân sự, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và đối tác trong nước, quốc tế theo quy định của pháp luật để phát triển công nghiệp hỗ trợ, tiếp nhận và làm chủ công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng huy động phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành, địa phương đề xuất chuyển giao, tiếp nhận một số cơ sở đóng tàu từ Bộ Xây dựng sang Bộ Quốc phòng quản lý theo hướng phục hồi, phá sản để phát triển năng lực đóng tàu quân sự phục vụ quốc phòng, tạo nền tảng phát huy vai trò nòng cốt của các doanh nghiệp quốc phòng trong phát triển công nghiệp tàu thủy, công nghiệp hàng hải quốc gia.

d) Phối hợp với Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh và phát triển công nghiệp lưỡng dụng.

6. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định.

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn đối với các cơ sở công nghiệp hàng hải, cơ khí biển có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh.

c) Tham gia xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển công nghiệp phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và phát triển công nghiệp lưỡng dụng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Nghiên cứu, phát triển ngành cơ khí hàng hải hiện đại, trong đó, có công nghiệp đóng tàu, kết hợp với công nghiệp an ninh, lưỡng dụng, vừa tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế biển, vừa góp phần nâng cao năng lực bảo đảm an ninh, quốc phòng.

đ) Phối hợp với Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng và phát triển công nghiệp lưỡng dụng.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án phát triển cơ khí hàng hải quốc gia trên cơ sở xử lý SBIC theo hướng phục hồi, phát triển trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì rà soát, hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học trong các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; tăng cường gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển đội ngũ chuyên gia, kỹ sư và cán bộ khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển trong giai đoạn mới.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

8. Bộ Nội vụ

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hàng hải và cơ khí biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

9. Bộ Ngoại giao

a) Phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan thúc đẩy hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; vận động, mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế và các đối tác phát triển trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành.

b) Phối hợp hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, thu hút chuyên gia nguồn lực quốc tế, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, mở rộng thị trường xuất khẩu đối với sản phẩm và dịch vụ công nghiệp hàng hải, cơ khí biển.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

10. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên biển và hải đảo, kinh tế tuần hoàn, ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển công nghiệp hàng hải;

b) Chủ trì nghiên cứu, rà soát về Quy hoạch không gian biển, quy hoạch tổng thể khai thác bền vững tài nguyên vùng bờ, đề xuất các nội dung điều chỉnh phù hợp, bảo đảm không gian phát triển kinh tế hàng hải để dẫn dắt, tạo động lực và hỗ trợ thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế biển khác trên nguyên tắc sử dụng tối ưu, hiệu quả tài nguyên biển.

c) Chủ trì rà soát, nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường, đê điều nhằm tạo thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình phục vụ phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai.

d) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hàng hải theo hướng xanh, phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường.

đ) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Điều hành tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về bảo lãnh tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng và các giải pháp tài chính, tiền tệ khác nhằm góp phần phát triển công nghiệp hàng hải theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và các cơ quan liên quan trong xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

12. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; lồng ghép các nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo quy định.

b) Chủ động rà soát quỹ đất, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư, phát triển các trung tâm, cụm liên kết công nghiệp hàng hải phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của quốc gia.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan trong việc rà soát, đánh giá năng lực công nghiệp hàng hải; xây dựng cơ sở dữ liệu; tổ chức triển khai các chương trình, đề án và nhiệm vụ thuộc Kế hoạch.

d) Chủ động cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực và mở rộng thị trường theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

e) Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch về Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

13. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề

a) Chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh; tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề án thuộc Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động.

b) Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp khai thác, doanh nghiệp logistics, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khoa học và công nghệ; phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tham gia chuỗi giá trị công nghiệp hàng hải trong nước và quốc tế.

c) Chủ động tham gia nghiên cứu, chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ công nghệ tiên tiến; thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường.

d) Các hiệp hội ngành nghề phát huy vai trò đại diện cộng đồng doanh nghiệp; tham gia phản biện, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách; tăng cường kết nối doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế, cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 2089/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn / mốc tiến độ	Kết quả/tiêu chí kiểm đếm
1	Đánh giá, phân loại năng lực; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Bộ Xây dựng	Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp	Bộ tiêu chí; cơ sở dữ liệu quốc gia	Quý III/2027	Ban hành bộ tiêu chí; hoàn thành điều tra, phân loại; cơ sở dữ liệu hình thành, cập nhật, vận hành; xác định năng lực thiết kế, đóng tàu, sửa chữa, cơ khí biển, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ, nhân lực phục vụ xây dựng chương trình quốc gia về công nghiệp Hàng hải và cơ khí biển
2	Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hàng hải và đường thủy	Bộ Xây dựng	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành liên quan	Văn bản quy phạm pháp luật	Quý I/2027	Bộ luật Hàng hải và đường thủy được thông qua. Cụ thể hóa định hướng của nghị Quyết 20-NQ/TW và Kết luận của đồng chí Tổng Bí Thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại thông báo số 125-TB/VPTW
3	Xây dựng Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV - 2027	Chương trình được ban hành; xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án ưu tiên, nguồn lực, lộ trình và trách nhiệm từng cơ quan.
4	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, đê điều và pháp luật liên quan dự án, công trình phục vụ công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương	Văn bản quy phạm pháp luật/đề xuất	Quý I/2027	Rà soát vướng mắc; đề xuất/hoàn thiện quy định thuộc thẩm quyền; bảo đảm thống nhất pháp luật.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn / mốc tiến độ	Kết quả/tiêu chí kiểm đếm
5	Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch liên quan không gian phát triển công nghiệp hàng hải, cơ khí biển	Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng	Bộ Xây dựng và cơ quan liên quan	Điều chỉnh/bổ sung quy hoạch	Quý IV/2027	Xác định không gian, quỹ đất, hạ tầng và khu vực ưu tiên; xử lý nội dung không đồng bộ giữa các quy hoạch.
6	Hoàn thiện cơ chế tài chính và huy động nguồn lực phát triển công nghiệp hàng hải	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành	Văn bản quy phạm pháp luật/cơ chế, chính sách	Quý III/2027 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Xác định cơ chế tài chính thuộc chức năng Bộ Tài chính; cơ chế huy động nguồn lực; điều kiện, đối tượng, nguyên tắc hỗ trợ; tránh trùng lặp chính sách tiền tệ, tín dụng.
7	Hoàn thiện cơ chế tín dụng, bảo lãnh phát triển công nghiệp hàng hải	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và cơ quan liên quan	Văn bản/cơ chế thuộc thẩm quyền	Quý III/2027 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Giải pháp tạo điều kiện tiếp cận tín dụng phù hợp đặc thù ngành, bảo đảm an toàn hệ thống; rõ phạm vi, điều kiện, đối tượng theo pháp luật.
8	Phát triển thị trường công nghiệp hàng hải, cơ khí biển	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, cơ quan liên quan	Kế hoạch/giải pháp phát triển thị trường	Quý III/2027 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Xác định nhóm sản phẩm, thị trường ưu tiên; kết nối nhu cầu với năng lực sản xuất; số chương trình kết nối và chuỗi cung ứng được triển khai.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn / mốc tiến độ	Kết quả/tiêu chí kiểm đếm
9	Rà soát, sắp xếp doanh nghiệp quốc phòng trong lĩnh vực hàng hải và kinh tế biển theo hướng lưỡng dụng kết hợp phát triển hiệu quả công nghiệp hàng hải và kinh tế biển	Bộ Quốc phòng	Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đề án/Quyết định	Quý IV/2028 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Phân loại doanh nghiệp/cơ sở; phương án sắp xếp, phát triển năng lực lưỡng dụng và liên kết với doanh nghiệp dân sự.
10	Đổi mới, phát triển khoa học và công nghệ trong công nghiệp hàng hải, cơ khí biển	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và cơ quan liên quan	Chương trình/Đề án, cơ chế chính sách	Quý IV/2027 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Danh mục nhóm công nghệ cốt lõi/ưu tiên; số nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kết quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng; sản phẩm/công nghệ được làm chủ hoặc ứng dụng.
11	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hàng hải, cơ khí biển	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành	Đề án/chương trình	Quý IV/2027 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Nhu cầu nhân lực theo nhóm ngành; chương trình đào tạo được điều chỉnh; số cơ sở/doanh nghiệp tham gia; số nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng.
12	Phương án xử lý SBIC	Bộ Công an	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và cơ quan liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Đánh giá, phân loại tài sản, cơ sở, công nghệ, nhân lực; Báo cáo phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền quyết định.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn / mốc tiến độ	Kết quả/tiêu chí kiểm đếm
13	Phát triển dịch vụ logistics hỗ trợ chuỗi cung ứng công nghiệp hàng hải, cơ khí biển; lồng ghép trong triển khai Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương	Kế hoạch/nội dung lồng ghép	Quý IV/2027 và tiến độ cụ thể các nhiệm vụ xác định trong Chương trình quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển	Xác định nội dung logistics phục vụ chuỗi cung ứng; nhiệm vụ được tích hợp vào kế hoạch triển khai Chiến lược; không trùng lặp Đề án cấp Thủ tướng.
14	Phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số; nâng cao hiệu lực quản lý	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Xây dựng và cơ quan liên quan	Kế hoạch/giải pháp	Thường xuyên, hàng năm	Số thủ tục được rà soát, đơn giản hóa; số nhiệm vụ được phân cấp; thời gian giải quyết; mức độ chuyển đổi số; kết quả kiểm tra, giám sát.

Danh mục nhiệm vụ và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ tại kế hoạch này trước mắt bảo đảm cơ sở dữ liệu và đồng bộ về thời gian phục vụ xây dựng Chương trình quốc gia về phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển. Các nhiệm vụ có thể được điều chỉnh về trách nhiệm chủ trì/phối hợp, tiến độ thực hiện trong quá trình xây dựng, ban hành Chương trình quốc gia về phát triển công nghiệp hàng hải và cơ khí biển, bảo đảm tính hợp lý, khả thi khi triển khai thực hiện. Các bộ, ngành, địa phương được giao chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện, định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) gửi Bộ Xây dựng, trong đó nêu rõ nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ đang thực hiện, nhiệm vụ chậm tiến độ, nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý. Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.